

BÁO CÁO

Sơ kết sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 và triển khai Kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2020

I. Tình hình và kết quả sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020:

1. Trồng trọt:

Trong vụ Đông xuân 2019-2020, tình hình thời tiết diễn biến khó lường, đầu vụ lượng mưa thấp, phân bố không đều, nắng hạn kéo dài đã ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng, phát triển và tiến độ gieo trồng của các loại cây trồng trong vụ. Mực nước trong các công trình thủy lợi, các hồ chứa, sông, suối, ao, bầu, đập trên địa bàn huyện cạn kiệt không đủ nước tưới phục vụ cho cây trồng, đặc biệt là cây lúa nước và cây mía trồng mới.

1.1. Diện tích, năng suất, sản lượng:

- **Về diện tích gieo trồng:** Toàn huyện đã gieo trồng được 7.454,5 ha¹ cây trồng các loại, đạt 99,4% Kế hoạch (KH), tăng 7,5% so với cùng kỳ (CK). Nguyên nhân do nắng hạn kéo dài làm ảnh hưởng đến diện tích gieo trồng trong vụ, đặc biệt là diện tích cây mía trồng mới.

(Số liệu cụ thể theo biểu số 1)

- **Về năng suất, sản lượng:** Nhìn chung, năng suất, sản lượng của hầu hết các loại cây trồng trong vụ Đông Xuân 2019-2020 đều không đạt kế hoạch².

(Số liệu cụ thể theo biểu số 2)

1.2. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng: Trong vụ xảy ra một số sâu bệnh hại thông thường như trên cây rau xuất hiện sâu tơ, sâu xanh, sâu vẽ bùa, bọ nhảy, bệnh thán thư trên lá quả, bệnh phấn trắng, bệnh mốc sương, bệnh đốm lá nhẹ, bệnh gỉ sắt xuất hiện nhiều trên cây họ đậu... Trên cây lúa xuất hiện sâu cuốn lá, tuyến trùng hại rễ, bọ trĩ, bệnh nghệt rễ, đốm nâu, khô vằn, ốc bươu vàng... Trên cây mía xuất hiện sâu đục thân, bọ hung xén tóc gây hại mức độ nhẹ... UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên hướng dẫn nhân dân triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh kịp thời.

¹ Trong đó: Lúa 2 vụ: 479 ha đạt 97,8%KH, giảm 2,0%CK; Cây mỳ: 1.196,1 ha đạt 104,9%KH giảm 12,1%CK; Rau các loại: 2.618,6 ha đạt 100,7%KH, tăng 0,6%CK.

² Lúa 2 vụ: 60,9 tạ/ha đạt 99,9%KH, tăng 2,8%CK; ngô tổng số: 50,5 tạ/ha, đạt 99,1%KH, tăng 8,1%CK; rau các loại: 185,2 tạ/ha, đạt 99,8%KH, tăng 0,6%CK...

Riêng trên cây sắn có 02 ha bị nhiễm bệnh khảm lá virus với tỷ lệ nhiễm bệnh khoảng 70% trên địa bàn thị trấn Đak Pơ, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức gấp gỡ chủ ruộng, tuyên truyền, vận động tổ chức thu gom, tiêu hủy không để phát sinh thành dịch và lây lan ra diện rộng.

1.3. Các loại giống cây trồng sản xuất chủ yếu trong vụ:

- Giống lúa nước gồm: ĐV108, ML48, TH85, Khang dân 18, Hương thơm 1,... trong đó, giống ĐV108, Khang dân 18 là các giống được sử dụng chủ yếu, chiếm khoảng 60%-70% tổng diện tích lúa trong vụ (đây là những giống có năng suất cao, phù hợp với địa bàn huyện).

- Giống mỳ gồm: KM 94, KM 140, K98-5, ReyOng 60 và một số giống mỳ địa phương khác.

- Giống mía gồm: K95-84, K95-156, LK92-11, KK3, Uthon...; trong đó, các giống K95-84, K95-156 được trồng chủ yếu (những giống này có nhiều ưu điểm: năng suất cao, giống sinh trưởng phù hợp với nhiều chân đất).

- Giống ngô lai gồm: Bioseed 9698, Bioseed B265, DK 8868, Bioseed B21, DK888, CP888, CP333, NK 67, NK 67 đột biến; trong đó, giống Bioseed 9698 là chủ yếu, chiếm khoảng 90% diện tích (giống này có ưu điểm chịu hạn tốt, năng suất cao, màu sắc đẹp).

1.4. Kết quả ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất:

*** Công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ KHKT:**

- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án “Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận rau An Sơn - Đak Pơ”. Hiện nay, Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai các nội dung trong năm 2020 theo thuyết minh dự án đã được phê duyệt.

- Tiếp tục theo dõi mô hình “trồng rừng thâm canh cây keo lai nuôi cây mô” thuộc nguồn vốn sự nghiệp KHCN tỉnh năm 2017 được triển khai trên địa bàn xã Yang Bắc. Hiện nay do hạn hán đã làm cho 3,95 ha/tổng diện tích trồng 7 ha bị chết, diện tích cây keo lai còn lại Phòng Nông nghiệp và PTNT đang tiếp tục theo dõi và hướng dân chăm sóc.

- Tiếp tục theo dõi Dự án trồng cây Na dai hạt lép kết hợp hệ thống tưới nước nhỏ giọt tại xã Cư An. Hiện nay cây Na dai đang bước vào giai đoạn kiến thiết cơ bản năm thứ 3, cây Na dai sinh trưởng tốt, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đang tiếp tục hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật chăm sóc cây na dai cho các hộ tham gia mô hình.

- Tiếp tục triển khai Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất một số loại cây nông nghiệp tại huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai” (Dự án nông thôn miền núi, được Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền cho địa phương quản lý; thực hiện từ năm 2018-2021) được triển khai trên địa bàn xã Ya Hội. Hiện nay, đã xuống giống 10 ha cây chuối (5ha chuối mốc nuôi cây mô, 5ha chuối tách chồi), 10 ha cây mỳ và 10 ha cây ngô. Hiện nay 10 ha cây ngô đã cho

thu hoạch, năng suất đạt 70 tạ/ha, diện tích cây chuối và cây mỳ sinh trưởng phát triển bình thường.

*** Kết quả ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng:**

- Tỉnh đến vụ Đông Xuân 2019 - 2020, toàn huyện đã đầu tư xây dựng mới, áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho 1.069,5 ha cây trồng các loại, cụ thể:

+ Diện tích tưới nhỏ giọt bằng phương pháp tưới bình thường: 924 ha.

+ Diện tích tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân: 145,5 ha.

- Phần lớn sử dụng công nghệ tưới trong nước, hoặc người dân mua lẻ từng bộ phận (đầu phun, ống dẫn, máy bơm...) tự lắp ráp và thiết kế theo nhu cầu sử dụng và khả năng tài chính của hộ gia đình. Toàn huyện có 145,5 ha sử dụng công nghệ từ Israel (chủ yếu là công ty cổ phần chăn nuôi Hoàng Anh Gia Lai).

- Dự án trồng cây Na dai hạt lép kết hợp hệ thống tưới nước nhỏ giọt tại xã Cư An. Tổng diện tích 2,5 ha triển khai thực hiện vụ Đông Xuân 2018 - 2019 sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt của Israel.

- Kết quả huy động, tham gia phối hợp xây dựng thực hiện dự án IDE (tưới tiết kiệm): Cuối năm 2018 đầu năm 2019 Trạm khuyến nông huyện (Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp) đã phối hợp với Trung tâm khuyến nông tỉnh triển khai dự án IDE trên địa bàn các xã, thị trấn, tổng diện tích 9,0 ha với 90 hộ tham gia; Cụ thể:

+ Năm 2018: Dự án iDE hỗ trợ trực tiếp xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước quy mô 4 ha tại các xã Phú An, Tân An, Cư An và Hà Tam (mỗi xã 01 ha có 10 hộ tham gia).

+ Năm 2019: Dự án iDE hỗ trợ trực tiếp xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước quy mô 5,0 ha tại các xã Phú An, Tân An, Cư An, Yang Bắc, Hà Tam và thị trấn Đak Pơ với 50 hộ tham gia.

Ngoài ra, trong năm 2019 Dự án iDE triển khai chương trình khuyến mãi dành cho xã đặc biệt khó khăn (xã Yang Bắc) với diện tích 5,1 ha với 51 hộ tham gia.

1.5. Giá cả một số mặt hàng nông sản: Trong vụ, giá cả các mặt hàng nông sản dao động mạnh, cụ thể: cải xanh từ 2.000-4.000 đồng/kg, khổ qua từ 5.000-12.000 đồng/kg, dưa leo từ 1.000-6.000 đồng/kg, đậu cô ve từ 6.000-9.000 đồng/kg, ớt từ 8.000-35.000 đồng/kg, ngò từ 500-4.000 đồng/bó, bắp sú từ 3.000-3.500 đồng/kg, bí đỏ từ 2.000-4.000 đồng/kg, hành lá từ 7.000-12.000 đồng/kg, dưa hấu từ 500-2.000 đồng/kg. Giá heo giống từ 110.000-200.000 đồng/kg, heo thịt từ 70.000-90.000 đồng/kg, bò giống từ 110.000-135.000 đồng/kg, bò thịt từ 70.000-80.000 đồng/kg.

1.6. Kết quả chuyển đổi cây trồng:

Trong vụ Đông xuân 2019-2020, thực hiện chuyển đổi 21,5 ha³ đất trồng lúa kém hiệu quả, thường xuyên thiếu nước tưới ở cuối vụ sang trồng các loại cây trồng khác.

1.7. Công tác phòng, chống hạn:

* **Công tác chỉ đạo điều hành:** Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp, ngành, UBND huyện đã ban hành một số văn bản triển khai sản xuất vụ Đông xuân 2019-2020 trên địa bàn huyện Đak Pơ cụ thể: Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2019-2020; Công văn số 1689/UBND-NNPTNT ngày 31/12/2019 về việc tăng cường triển khai các biện pháp phòng chống hạn hán thiếu nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp trong mùa khô năm 2019-2020; Phương án số 136/PA-UBND ngày 13/11/2019 về Phương án phòng chống hạn trong vụ Đông xuân 2019-2020 trên địa bàn huyện Đak Pơ; Công văn số 260/UBND-NNPTNT ngày 27/02/2020 về việc triển khai các biện pháp phòng chống, ứng phó với tình trạng khô hạn trong vụ Đông xuân 2019-2020 trên địa bàn huyện.

*** Các giải pháp chống hạn:**

- Hướng dẫn nhân dân gieo trồng khi gặp thời tiết thuận lợi, tập trung chăm sóc diện tích đã gieo trồng; quán triệt, khuyến cáo nhân dân không xuống giống ở những chân đất thường xuyên bị hạn qua các năm.

- Kiểm tra, gia cố các hồ đập, tích nước và vận động nhân dân sử dụng nguồn nước hợp lý, tiết kiệm, tránh tình trạng tranh chấp nước tưới giữa các loại cây trồng, ưu tiên nước tưới cho cây lúa.

- Tận dụng mọi nguồn nước để tưới cho cây trồng như đào giếng cạn lấy nước, bơm chuyên nước lên chân ruộng cao để tưới cho cây trồng.

- Áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, tủ gốc đối với cây trồng cạn, ưu tiên nguồn nước cho cây trồng đang bước vào thời kỳ trổ bông, làm đòng và kết trái.

1.8. Công tác cứu đói:

- Cấp 25.500 kg gạo cứu đói do Chính phủ hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 cho 546 hộ với 1.700 khẩu.

- Cấp 29.040 kg gạo cứu đói do Chính phủ hỗ trợ trong thời gian giáp hạt năm 2020 cho 463 hộ với 1.936 khẩu.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Gia Lai trao 60 suất quà, trị giá mỗi suất quà: 500.000 đồng/suất quà cho 60 hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai nhân dịp Tết Canh Tý 2020 trên địa bàn huyện.

1.9. Tình hình cháy mía và thu hoạch cây mía, mỳ:

³ Trong đó, xã Hà Tam chuyển đổi 19 ha (ngô lai: 2 ha, cây rau: 8 ha, cây hàng năm khác: 9 ha) và xã Phú An chuyển đổi 2,5 ha (cây rau: 2,5 ha).

*** Tình hình cháy mía nguyên liệu:** Trong niên vụ mía 2019-2020, toàn huyện đã xảy ra 07 vụ cháy mía làm thiệt hại 30,6 ha mía nguyên liệu của 30 hộ dân trên địa bàn 05/08 xã, thị trấn⁴. Nguyên nhân chủ yếu xảy ra cháy mía nguyên liệu là do người dân bất cẩn trong quá trình sử dụng lửa để lửa lây lan. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chức năng, UBND các xã, thị trấn phối hợp với các Nhà máy đường thu mua mía cháy kịp thời cho nhân dân.

*** Kết quả thu hoạch mía, mỳ:**

- Cây Mía tổng diện tích 6.503,1 ha, đến nay đã thu hoạch được 6.468,6 ha đạt 99,5% so với tổng diện tích, năng suất ước đạt 500 tạ/ha, sản lượng đạt 323.730 tấn. Giá mía mua tại ruộng 800.000đ/tấn/10CCS. Hỗ trợ cước vận chuyển tính theo vùng, quy định tại Nhà máy.

- Cây Mỳ tổng diện tích 2.637,2 ha, đến nay đã thu hoạch 2.437,9 ha đạt 92,4% so với tổng diện tích, năng suất ước đạt 220,9 tạ/ha, sản lượng 53.853,2 tấn. Giá mua tại nhà máy loại 1 có hàm lượng tinh bột >30% là 2.050đ/kg củ tươi, giá mua còn lại giảm 70đ/kg theo cấp (tùy theo hàm lượng tinh bột).

1.10. Tình hình thiệt hại do nắng hạn gây ra:

Tính đến ngày 06/5/2020, toàn huyện có 676,64 ha cây trồng các loại bị ảnh hưởng do nắng hạn.

(Số liệu cụ thể theo biểu số 3)

*** Tình hình khắc phục hậu quả do nắng hạn gây ra:**

- Tổ chức gia cố, nạo vét kênh mương dẫn nước để đảm bảo dẫn nước tưới cho cây trồng ở các vùng có điều kiện tưới. Đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục sửa chữa, nâng cấp và làm mới các công trình thủy lợi để kịp thời phục vụ cho sản xuất vụ Đông xuân 2019-2020.

- Hướng dẫn nhân dân sử dụng các biện pháp giữ ẩm cho đất, bao gồm: Bón nhiều phân chuồng, phân xanh hoai mục làm tăng độ xốp, thoáng khí và khả năng giữ ẩm của đất; kết hợp biện pháp phủ gốc như: Dùng vật liệu để che phủ có thể bằng rơm rạ, lá cây khô không nhiễm khuẩn bệnh, màng phủ nông nghiệp... làm giảm lượng nước bốc hơi, giữ ẩm cho đất, giảm cỏ và sâu bệnh.

- Thường xuyên cập nhật tình hình hạn, tổng hợp đề nghị tỉnh hỗ trợ kinh phí khôi phục sản xuất do nắng hạn gây ra trong vụ Đông xuân 2019-2020 trên địa bàn huyện (tính đến ngày 15/4/2020).

2. Chăn nuôi:

Tổng các đàn gia súc, gia cầm đến tháng 4/2020:

- Tổng đàn trâu 626 con, đạt 97,8%KH và bằng 102,79% so với CK.

- Tổng đàn bò 15.281 con, đạt 90,5%KH và bằng 99,73% so với CK. Tỷ lệ lai đạt 88,3%, đạt 99,7%KH và bằng 100,42% so với CK.

⁴ Trong đó: Xã Hà Tam 01 vụ, 3,0 ha, 01 hộ; xã An Thành 01 vụ, 1,4 ha, 01 hộ; thị trấn Đak Pơ 03 vụ, 18,6 ha, 24 hộ; xã Phú An 01 vụ, 0,1 ha, 01 hộ; xã Yang Bắc 01 vụ, 7,5 ha, 03 hộ.

- Tổng đàn dê 2364 con, đạt 94,6%KH và bằng 109,24% so với CK.
- Tổng đàn heo 12.118 con, đạt 93,9%KH và bằng 86,65% so với CK.
- Tổng đàn gia cầm 61.174 con, đạt 74,1%KH và bằng 96,21% so với CK.

Đàn gia súc, gia cầm sinh trưởng và phát triển bình thường, không có dịch bệnh lớn xảy ra.

UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức tổ chức vệ sinh môi trường, tiêu độc, khử trùng chuồng trại chăn nuôi định kỳ, cơ sở giết mổ, các chợ, vùng có nguy cơ phát sinh bệnh...; hướng dẫn cho nhân dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh đặc biệt là bệnh Dịch tả lợn Châu phi, bệnh cúm A H5N1, thiếu thức ăn và nước uống cho đàn vật nuôi trong mùa khô, hướng dẫn chăn nuôi theo chuỗi, theo hướng an toàn sinh học, tăng sức đề kháng cho vật nuôi. Đồng thời, triển khai công tác tiêu độc khử trùng nơi buôn bán động vật và sản phẩm động vật ở dạng tươi sống năm 2020, tính đến ngày 09/4/2020, đã thực hiện được 84/384 công tại 4 chợ trên địa bàn.

II. Đánh giá chung:

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của cấp trên, sự phối hợp của các ngành địa phương, các cơ quan, đoàn thể và sự cố gắng nỗ lực của nhân dân toàn huyện.

- Người dân đã chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác; đưa các giống cây, con có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất.

- Các cơ quan chức năng của huyện đã làm tốt công tác kiểm tra, quản lý kinh doanh vật tư, nông nghiệp tại các điểm mua bán và tình hình sử dụng thuốc BVTV trên cây trồng; đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh thú y tại các cơ sở kinh doanh sản phẩm chăn nuôi, các cơ sở giết mổ gia súc, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi...

2. Khó khăn:

- Thời tiết nắng hạn kéo dài ở cuối vụ làm ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng, năng suất, sản lượng của các loại cây trồng, đặc biệt là cây trồng cạn.

- Một số hộ dân chưa tuân thủ theo khuyến cáo, định hướng của các cơ quan chuyên môn trong việc chọn giống cây, con để sản xuất trong vụ, chưa mạnh dạn chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả, thường xuyên thiếu nước tưới ở cuối vụ sang trồng các loại cây trồng khác có khả năng chịu hạn cao; việc đầu tư, mở rộng diện tích có ứng dụng các công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng trong vụ còn thấp.

- Giá cả một số mặt hàng nông sản trong vụ tăng giảm không ổn định, làm ảnh hưởng đến đời sống người dân cũng như việc lựa chọn các giống cây trồng trong vụ.

III. Kế hoạch triển khai sản xuất vụ Mùa 2020:

1. Kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2020: Theo Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2020.

2. Một số giống cây trồng khuyến cáo sử dụng trong vụ:

- Giống lúa nước gồm: ĐV108, ML48, Nhị ưu 838, Hương thơm 1.
- Giống ngô lai gồm: Bioseed 9698, DK 8868, CP333, NK67.

3. Khuyến cáo lịch thời vụ gieo trồng một số cây trồng chính:

3.1. Cây lúa nước:

* **Cây lúa 2 vụ:** Gieo sạ từ ngày 25/5 đến 25/6/2020.

* **Cây lúa 1 vụ:** Gieo sạ từ ngày 15/6 đến 30/6/2020.

3.2. Cây lúa cạn: Gieo trồng từ ngày 15/6 đến 30/6/2020.

3.3. Cây ngô: Gieo trồng từ ngày 30/4 đến 15/6/2020.

3.4. Cây mỳ: Gieo trồng từ ngày 30/4 đến 30/5/2020.

3.5. Cây đậu các loại: Gieo trồng từ ngày 25/4 đến 25/5/2020.

4. Một số giải pháp chỉ đạo trong vụ Mùa 2020:

Để thực hiện thắng lợi vụ Mùa 2020, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, ban ngành, UBND các xã, thị trấn triển khai, thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân thu hoạch nhanh, gọn diện tích cây trồng vụ Đông Xuân 2019-2020 và tập trung chuẩn bị đất, vật tư, phân bón, giống... để triển khai sản xuất vụ Mùa 2020; xây dựng lịch gieo trồng phù hợp, tùy theo điều kiện sản xuất của từng địa phương để chỉ đạo sản xuất linh hoạt, bố trí cây trồng phù hợp, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng đa dạng hoá, phân đầu gieo trồng đạt và vượt kế hoạch được giao; chăm sóc tốt diện tích lúa lưu gốc (đặc biệt là diện tích thu hoạch muộn).

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi một phần diện tích đất trồng mía kém hiệu quả sang trồng một số cây nguyên liệu liên kết sản xuất với Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giac, Công ty cổ phần dâu tằm tơ Mang Yang, Nhà máy mỳ An Khê.

- Xây dựng phương án ứng phó với siêu bão, bão mạnh, kế hoạch phòng chống lũ cho các công trình thủy lợi trong mùa mưa bão; thường xuyên kiểm tra hiện trạng các công trình thủy lợi để có kế hoạch duy tu, sửa chữa, nạo vét kênh mương đảm bảo an toàn công trình khi sử dụng; tích trữ nước phục vụ cho sản xuất trong vụ và đảm bảo đủ nước tưới cho cây trồng trong vụ sau.

- Làm tốt công tác triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là đưa các giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, đồng thời hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật canh tác cây trồng và nhân rộng các

mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả như: mô hình GAP, IPM, ICM, trên cây rau và trên cây lúa nước thực hiện mô hình “một phải, năm giảm gắn với hai không” (*phải sử dụng giống xác nhận; giảm lượng giống, giảm phân bón, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), giảm nước tưới và giảm tổn thất sau thu hoạch; không sử dụng giống dài ngày, không gieo sạ ngoài khung lịch thời vụ đã được cơ quan chuyên môn khuyến cáo*); hướng dẫn việc sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc “4 đúng” (*đúng thuốc, đúng liều lượng và nồng độ, đúng lúc và đúng cách*); ... Áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp. Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến cáo, định hướng cho nhân dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, trồng xen canh để chống xói mòn, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và diện tích gieo trồng, nhất là cây ngô, đậu đỗ các loại...

- Thực hiện tốt công tác chuyên môn về BVTV, đặc biệt là trong công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo chính xác thời điểm và mức độ phát sinh bệnh hại, để phòng trừ các đối tượng sâu bệnh hại cây trồng đạt hiệu quả; chú trọng đến công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân biện pháp xử lý bọ hung, xén tóc trên cây mía sau khi thu hoạch; đồng thời, tuyên truyền, vận động nhân dân đăng ký cam kết sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định, không lạm dụng thuốc gây ảnh hưởng xấu đến cây trồng, chất lượng sản phẩm, môi trường sống, sức khỏe con người.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, kiên quyết không để bị động, bất ngờ khi có dịch xảy ra. Thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm, duy trì công tác theo dõi, kiểm tra, dự báo tình hình dịch bệnh và hướng dẫn nhân dân các biện pháp phòng chống dịch; thường xuyên kiểm tra việc buôn bán thuốc thú y, thức ăn gia súc và các hoạt động tại các điểm giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý về chất lượng, giá cả đối với các hàng hoá, vật tư như: giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm trong nông nghiệp; kịp thời ngăn chặn việc sản xuất kinh doanh sản phẩm giả, kém chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong nông nghiệp.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo người dân sử dụng các giống có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện từng địa bàn để đưa vào sản xuất trong vụ; kiểm tra, rà soát, thống kê diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn từng xã, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch vùng sản xuất; hướng dẫn, khuyến cáo người dân bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, phù hợp với quy hoạch và thế mạnh của từng vùng.

- Đẩy nhanh triển khai thực hiện các mô hình khuyến nông theo kế hoạch; tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả các mô hình đã triển khai và đề xuất, tham mưu UBND huyện chỉ đạo nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả cao.

- Tiếp tục lồng ghép, triển khai có hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (trong đó đặc biệt chú trọng hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất), cũng như các chương trình mục tiêu khác triển khai cho khu vực nông thôn./. *hpr*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chi cục Trồng trọt và BVTV;
- TT. Huyện ủy (b/c);
- TT. HĐND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UB, VP;
- Ban KT-XH huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của huyện;
- Trung tâm DVNN huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT *hpr*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Hơ

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020

(Kèm theo Báo cáo số 709 /BC-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Đắk Pơ)



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH	Hà Tam		An Thành		Đak Pơ		Tân An		Cư An		Phú An		Ya Hội		Yang Bắc	
						KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH
*	Tổng DTGT	ha	7.500,0	7.454,5	99,4	879,0	845,0	491,0	485,6	570,0	573,0	1.762,0	1.767,0	1.161,0	1.162,5	1.149,0	1.140,5	737,0	734,0	751,0	746,9
I	Cây LT có hạt	ha	1.135,0	1.076,4	94,8	115,0	103,3	83,0	55,8	71,0	71,0	192,0	192,5	180,0	180,1	206,0	206,5	208,0	200,0	80,0	67,2
1	Lúa 02 vụ	ha	490,0	479,0	97,8	71,0	61,0	10,0	10,0	15,0	15,0	140,0	140,0	40,0	40,0	133,0	132,0	51,0	51,0	30,0	30,0
2	Ngô tổng số	ha	645,0	597,4	92,6	44,0	42,3	73,0	45,8	56,0	56,0	52,0	52,5	140,0	140,1	73,0	74,5	157,0	149,0	50,0	37,2
	Ngô lai	ha	612,0	540,2	88,3	38,0	34,0	70,0	42,0	52,0	48,0	52,0	37,0	132,0	131,9	66,0	66,5	157,0	149,0	45,0	31,8
	Ngô nếp	ha	33,0	57,2	173,3	6,0	8,3	3,0	3,8	4,0	8,0		15,5	8,0	8,2	7,0	8,0			5,0	5,4
II	Cây TB	ha	1.140,0	1.196,1	104,9	309,0	320,0	79,0	114,0	74,0	74,0	29,0	31,5	94,0	98,4	254,0	257,0	164,0	141,0	137,0	160,2
1	Mỳ	ha	1.140,0	1.196,1	104,9	309,0	320,0	79,0	114,0	74,0	74,0	29,0	31,5	94,0	98,4	254,0	257,0	164,0	141,0	137,0	160,2
III	Cây CNNN	ha	1.760,0	1.601,5	91,0	265,0	185,0	230,0	183,0	185,0	168,0	280,0	275,0	170,0	154,1	195,0	174,0	175,0	217,0	260,0	245,4
-	Mía trồng mới	ha	1.760,0	1.601,5	91,0	265,0	185,0	230,0	183,0	185,0	168,0	280,0	275,0	170,0	154,1	195,0	174,0	175,0	217,0	260,0	245,4
IV	Cây TP	ha	2.705,0	2.745,7	101,5	122,0	105,0	61,0	93,6	190,0	209,0	1.072,0	1.073,0	582,0	585,2	362,0	370,0	143,0	137,0	173,0	172,9
1	Đậu các loại	ha	105,0	127,1	121,0	3,0	9,5	1,0	25,0	10,0	13,0	12,0	12,5	12,0	11,9	47,0	48,0	12,0		8,0	7,2
2	Rau các loại	ha	2.600,0	2.618,6	100,7	119,0	95,5	60,0	68,6	180,0	196,0	1.060,0	1.060,5	570,0	573,3	315,0	322,0	131,0	137,0	165,0	165,7
V	Cây hàng năm khác	ha	540,0	621,0	115,0	38,0	108,0	18,0	21,7	16,0	17,0	153,0	159,0	100,0	109,4	106,0	106,5	29,0	19,0	80,0	80,4
VI	Cây cỏ	ha	220,0	213,8	97,2	30,0	23,7	20,0	17,5	34,0	34,0	36,0	36,0	35,0	35,3	26,0	26,5	18,0	20,0	21,0	20,8
1	Cỏ các loại	ha	220,0	213,8	97,2	30,0	23,7	20,0	17,5	34,0	34,0	36,0	36,0	35,0	35,3	26,0	26,5	18,0	20,0	21,0	20,8

99,5

99,6

99,3

100,1

100,3

100,5

98,9

96,1

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020
 Kế hoạch theo Báo cáo số 109 /BC-UBND ngày 5 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Đắk Pơ)

100,5

98,9

96,1

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	% so với KH	Hà Tam			An Thành			Đak Pơ		
								Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Thụ hoạch
*	Tổng DTGT	ha	7.500,0	7.454,5	145,02	7.309,48	98,1	879,0	845,0	47,73	797,27	491,0	485,6	21,000	464,600	573,0
I	Cây LT có hạt	ha	1.135,0	1.076,4	99,62	976,78	90,7	115,0	103,3	47,33	55,97	83,0	55,8	6,100	49,700	71,0
	SLLT có hạt	tấn	6.277,7			5.357,81	85,3	674,5	0,0	0,00	314,52	420,6	0,0	0,000	248,843	0,0
1	Lúa 02 vụ	ha	490,0	479,0	69,28	409,72	85,5	71,0	61,0	31,73	29,27	10,0	10,0	4,600	5,400	15,0
	NS	tạ/ha	61,0			60,84	99,8	63,0			62,50	50,0			49,000	55,8
	SL	tấn	2.987,1			2.492,64	83,4	447,3			182,94	50,0			26,460	83,7
2	Ngô tổng số	ha	645,0	597,4	30,34	567,06	94,9	44,0	42,3	15,60	26,70	73,0	45,8	1,500	44,300	56,0
-	NS	tạ/ha	51,0			50,53	99,0	51,6			49,3	50,8			50,2	51,9
-	SL	tấn	3.290,6			2.865,18	87,1	227,2			131,6	370,6			222,4	290,6
	Ngô lai	ha	612,0	540,2	30,34	509,86	94,4	38,0	34,0	15,60	18,40	70,0	42,0	1,500	40,500	48,0
-	NS	tạ/ha	51,6			51,47	99,8	53,4			53,20	51,2			51,100	53,2
-	SL	tấn	3.156,3			2.624,01	83,1	202,9			97,89	358,4			206,955	276,6
	Ngô nếp	ha	33,0	57,2	0,00	57,20	100,0	6,0	8,3		8,30	3,0	3,8		3,800	4,0
-	NS	tạ/ha	40,7			42,16	103,6	40,5			40,60	40,5			40,600	35,0
-	SL	tấn	134,3			241,17	179,6	24,3			33,70	12,2			15,428	14,0
II	Cây TB	ha	1.140,0	1.196,1	26,50	1.169,60	97,8	309,0	320,0	0,00	320,00	79,0	114,0	13,900	100,100	74,0
1	Mỳ	ha	1.140,0	1.196,1	26,50	1.169,60	97,8	309,0	320,0		320,00	79,0	114,0	13,900	100,100	74,0
III	Cây CNNN	ha	1.760,0	1.601,5	9,30	1.592,20	99,4	265,0	185,0	0,00	185,00	230,0	183,0	1,000	182,000	168,0
-	Mía trồng mới	ha	1.760,0	1.601,5	9,30	1.592,20	99,4	265,0	185,0		185,00	230,0	183,0	1,000	182,000	168,0
IV	Cây TP	ha	2.705,0	2.745,7	7,40	2.738,30	99,7	122,0	105,0	0,40	104,60	61,0	93,6	0,000	93,600	209,0
1	Đậu các loại	ha	105,0	127,1	0,50	126,60	99,6	3,0	9,5	0,40	9,10	1,0	25,0		25,000	10,0
-	NS	tạ/ha	7,7			7,65	98,8	7,9			7,80	7,0			6,900	7,8
-	SL	tấn	81,2			96,81	119,2	2,4			7,10	0,7			17,250	7,8
2	Rau các loại	ha	2.600,0	2.618,6	6,90	2.611,70	99,7	119,0	95,5		95,50	60,0	68,6		68,600	180,0
-	NS	tạ/ha	185,5			185,18	99,9	180,0			180,10	170,0			170,200	180,0

bp

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	% so với KH	Hạ Tam			An Thành			Đak Pơ			
								Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện
-	SL	tấn	48.220,3			48.364,65	100,3	2.142,0		1.719,96	1.020,0		1.167,572	3.240,0		3.513,90	
V	Cây hàng năm khác	ha	540,0	621,0	2,20	618,80	99,6	38,0	108,0	108,00	18,0	21,7	21,700	16,0	17,0	1,30	15,70
VI	Cây cỏ	ha	220,0	213,8	0,00	213,80	100,0	30,0	23,7	23,70	20,0	17,5	17,500	34,0	34,0	0,00	34,00
I	Cò các loại	ha	220,0	213,8	0,00	213,80	100,0	30,0	23,7	23,70	20,0	17,5	17,500	34,0	34,0		34,00
-	NS	tạ/ha	1.070,1			1.072,35	100,2	1.055,0		1.055,10	1.102,0		1.102,100	1.051,0			1.051,20
-	SL	tấn	23.542,9			22.926,94	97,4	3.165,0		2.500,59	2.204,0		1.928,675	3.573,4			3.574,08

TỔNG HỢP ĐIỂN HÌNH NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020

(Kèm theo báo cáo số 109/BC-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Đak Pơ)

99,5

99,6

99,3

100,1

100,3

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Tân An				Cư An				Phú An				Ya Hội				Yang Bắc			
			Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch
*	Tổng DTGT	ha	1.762,0	1.767,0	11,50	1.755,50	1.161,0	1.162,5	13,19	1.149,31	1.149,0	1.140,5	5,20	1.135,30	737,0	734,0	12,85	721,15	751,0	746,9	14,65	732,25
I	Cây LT có hạt	ha	192,0	192,5	11,10	181,40	180,0	180,1	7,14	172,96	206,0	206,5	3,55	202,95	208,0	200,0	7,95	192,05	80,0	67,2	14,65	52,55
	SLLT có hạt	tấn	1.249,4	0,0	0,00	1.157,84	1.028,1	0,0	0,00	986,06	1.179,1	0,0	0,00	1.152,15	979,3	0,0	0,00	900,85	372,4	0,0	0,00	240,37
1	Lúa 02 vụ	ha	140,0	140,0	6,04	133,96	40,0	40,0	1,26	38,74	133,0	132,0	3,05	128,95	51,0	51,0	7,95	43,05	30,0	30,0	14,65	15,35
-	NS	tạ/ha	69,0			68,00	61,5			61,40	59,5			59,00	49,8			49,70	49,6			49,50
-	SL	tấn	966,0			910,93	246,0			237,86	791,4			760,81	254,0			213,96	148,8			75,98
2	Ngô tổng số	ha	52,0	52,5	5,06	47,44	140,0	140,1	5,88	134,22	73,0	74,5	0,50	74,00	157,0	149,0	0,00	149,00	50,0	37,2	0,00	37,20
-	NS	tạ/ha	54,5			52,0	55,9			55,7	53,1			52,9	46,2			46,1	44,7			44,2
-	SL	tấn	283,4			246,9	782,1			748,2	387,7			391,3	725,3			686,9	223,6			164,4
0	Ngô lai	ha	52,0	37,0	5,06	31,94	132,0	131,9	5,88	126,02	66,0	66,5	0,50	66,00	157,0	149,0		149,00	45,0	31,8		31,80
-	NS	tạ/ha	54,5			54,40	56,4			56,30	54,4			54,30	46,2			46,10	45,8			45,70
-	SL	tấn	283,4			173,75	744,5			709,49	359,0			358,38	725,3			686,89	206,1			145,33
0	Ngô nếp	ha		15,5		15,50	8,0	8,2		8,20	7,0	8,0		8,00					5,0	5,4		5,40
-	NS	tạ/ha				47,20	47,0			47,20	41,0			41,20					35,0			35,30
-	SL	tấn				73,16	37,6			38,70	28,7			32,96	0,0				17,5			19,06
II	Cây TB	ha	29,0	31,5	0,00	31,50	94,0	98,4	1,10	97,30	254,0	257,0	0,00	257,00	164,0	141,0	4,30	136,70	137,0	160,2	0,00	160,20
1	Mỳ	ha	29,0	31,5		31,50	94,0	98,4	1,10	97,30	254,0	257,0		257,00	164,0	141,0	4,30	136,70	137,0	160,2		160,20
III	Cây CNNN	ha	280,0	275,0	0,00	275,00	170,0	154,1	0,70	153,40	195,0	174,0	0,00	174,00	175,0	217,0	0,00	217,00	260,0	245,4	0,00	245,40
-	Mía trồng mới	ha	280,0	275,0		275,00	170,0	154,1	0,70	153,40	195,0	174,0		174,00	175,0	217,0		217,00	260,0	245,4		245,40
IV	Cây TP	ha	1.072,0	1.073,0	0,30	1.072,70	582,0	585,2	3,45	581,75	362,0	370,0	1,65	368,35	143,0	137,0	0,60	136,40	173,0	172,9	0,00	172,90
1	Đậu các loại	ha	12,0	12,5		12,50	12,0	11,9	0,10	11,80	47,0	48,0		48,00	12,0				8,0	7,2		7,20
-	NS	tạ/ha	8,1			8,10	8,0			8,00	7,9			7,90	7,0				6,9			6,90
-	SL	tấn	9,7			10,13	9,6			9,44	37,1			37,92	8,4				5,5			4,97
2	Rau các loại	ha	1.060,0	1.060,5	0,30	1.060,20	570,0	573,3	3,35	569,95	315,0	322,0	1,65	320,35	131,0	137,0	0,60	136,40	165,0	165,7		165,70
-	NS	tạ/ha	190,5			190,00	190,0			189,90	188,2			188,10	170,0				169,90	160,0		160,10

T T	Chi tiêu	ĐVT	Tân An				Cư An				Phú An				Ya Hội				Yang Bắc			
			Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Mất trắng	Thu hoạch
-	SL	tấn	20.193,0			20.143,80	10.830,0			10.823,35	5.928,3			6.025,78	2.227,0			2.317,44	2.640,0			2.652,86
V	Cây hàng năm khác	ha	153,0	159,0	0,10	158,90	100,0	109,4	0,80	108,60	106,0	106,5		106,50	29,0	19,0		19,00	80,0	80,4		80,40
VI	Cây cỏ	ha	36,0	36,0	0,00	36,00	35,0	35,3	0,00	35,30	26,0	26,5	0,00	26,50	18,0	20,0	0,00	20,00	21,0	20,8	0,00	20,80
I	Cỏ các loại	ha	36,0	36,0		36,00	35,0	35,3		35,30	26,0	26,5		26,50	18,0	20,0		20,00	21,0	20,8	0,00	20,80
-	NS	tạ/ha	1.185,0			1.185,20	1.164,0			1.184,20	1.052,0			1.052,00	905,0			905,10	903,0	20,8		903,20
-	SL	tấn	4.266,0			4.266,72	4.074,0			4.180,23	2.735,2			2.787,80	1.629,0			1.810,20	1.896,3			1.878,66

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH BỊ THIẾT HẠI DO HẠN HÁN GÂY RA TRONG VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020 (Tính đến ngày 06/5/2020)
(Kèm theo Báo cáo số 109 /BC-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Pơ)

TỔNG HỢP THIẾT HẠI

DIỆN TÍCH THIẾT HẠI DƯỚI 30%

DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%

DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%

TT	Địa phương	Tổng diện tích thiết hại (ha)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%						DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%						DIỆN TÍCH THIẾT HẠI DƯỚI 30%					
			Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Hà Tam	276,98	31,73				16,00		0,00	0,00				226,75		2,50	0,00			
2	An Thành	36,60	4,60				16,40		0,00	0,60				15,00		0,00	0,00			
3	TT Đắk Pơ	108,90	0,00				18,90		0,00	2,10				87,90		0,00	0,00			
4	Tân An	76,99	6,04				5,46		0,00	6,65				58,84		0,00	0,00			
5	Cư An	34,66	1,26				11,93		0,00	0,85				20,62		0,00	0,00			
6	Phú An	80,59	3,05				2,15		0,00	14,74				60,65		0,00	0,00			
7	Ya Hội	12,85	7,95				4,90		0,00	0,00				0,00		0,00	0,00			
8	Yang Bắc	49,07	14,65				0,00		0,00	2,12				32,30		0,00	0,00			
Tổng cộng		676,64	69,28		0,00		75,74		0,00	27,06		0,00		502,06		2,50	0,00	0,00	0,00	0,00

